

Bản án số: 1552/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên.

Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1213/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 577/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Nguyễn Văn G, phường B, thành phố T, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Kim L, sinh năm 1976; Nơi cư trú cuối cùng: Nguyễn Văn L, Phường MS, quận G, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông L chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MS, quận G, Tp. Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống có hai con chung là Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 19/11/2008 và Huỳnh Gia A, sinh ngày 21/03/2010. Từ khi kết hôn, bà T và ông L chung sống tại Nguyễn Văn L, Phường MS, quận G. Năm 2013 do mâu thuẫn gia đình nên bà chuyển về Quận H (nay là thành phố T) sinh sống. Ông L sau đó cũng bán căn nhà đi đâu bà không biết. Bà T đã tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về ông L. Bà cũng đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc tuyên

bố ông L mất tích và đã đăng trên báo, đài phát thanh để tìm kiếm ông L nhưng đã hơn 04 tháng vẫn không có tin tức gì của ông L.

Ngày 25/09/2023 Tòa án nhân dân quận G đã ra quyết định số 442/2023/QĐST-DS, tuyên bố ông Huỳnh Kim L, sinh năm 1976; Nơi cư trú cuối cùng: Nguyễn Văn L, Phường MS, quận G, Tp. Hồ Chí Minh đã mất tích.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Huỳnh Minh Đ và Huỳnh Gia A.

Về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có.

Bị đơn ông Huỳnh Kim L đã bị Tòa án nhân dân quận G tuyên bố là mất tích, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Đặng Thị Ngọc T xin ly hôn với ông Huỳnh Kim L, đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L có nơi cư trú cuối cùng là quận G, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông L đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Do đó, Tòa án Tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 347, quyển số 02/2008 do Ủy ban nhân dân phường MS, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông L, bà T ngày

18/11/2008, đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Quyết định giải quyết việc dân sự số 442/2023/QĐST-DS, ngày 25/09/2023 của Tòa án nhân dân quận G, thì ông Huỳnh Kim L đã mất tích. Bà T yêu cầu ly hôn với ông L thuộc trường hợp xin ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Theo khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.*

Như vậy, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Giao hai trẻ Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 19/11/2008 và Huỳnh Gia A, sinh ngày 21/03/2010 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L đã mất tích nên bà T không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng bà T chịu.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Ngọc T đối với ông Huỳnh Kim L.

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc T được ly hôn với ông Huỳnh Kim L (Giấy chứng nhận kết hôn số 347, quyển số 02/2008 do Ủy ban nhân dân phường MS, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông L, bà T ngày 18/11/2008 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao hai trẻ Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 19/11/2008 và Huỳnh Gia A, sinh ngày 21/03/2010 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà T chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà T

đã nộp theo biên lai số 0012483 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND q.G;
- CCTHADS q.G;
- UBND pMS, q.G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tô Văn Mạnh

